

Số: 1246/KH-THPT.HD

*Hắc Dịch*, ngày 10 tháng 9 năm 2022

## KẾ HOẠCH

**Thực hiện công tác 03 công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân cho năm học 2022-2023**

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ các văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện Thông tư số 36/TT-BGDĐT;

Trường Trung học phổ thông Hắc Dịch xây dựng kế hoạch Thực hiện công tác 03 công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân cho năm học 2022-2023 với các nội dung sau:

### **I. Mục tiêu thực hiện công khai**

Thực hiện công khai là nhiệm vụ của cơ sở giáo dục phải thực hiện theo quy định Thông tư số 36/TT-BGDĐT và chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên để thực hiện công khai minh bạch các hoạt động dạy và học của nhà trường để cha mẹ học sinh, cơ quan quản lý chức năng giám sát, kiểm tra, theo dõi các hoạt động dạy và học của nhà trường trong từng năm học.

Điều chỉnh các hoạt động của các cơ sở giáo dục về công khai chất lượng giáo dục, điều kiện đảm bảo cho chất lượng giáo dục và thu chi tài chính để các thành viên của cơ sở giáo dục và xã hội tham gia giám sát, đánh giá cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật; góp phần nâng cao tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục trong quản lý các nguồn lực và nâng cao hiệu quả giáo dục của đơn vị.

### **II. Các nhiệm vụ cụ thể**

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 36/TT-BGDĐT về “Công khai đối với cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục chuyên biệt”. Cụ thể:

#### **1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế**

a) Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về tuyển sinh của nhà trường; chương trình giáo dục nhà trường đang thực hiện (Biểu mẫu 09).

b) Chất lượng giáo dục thực tế của năm học trước liền kề: tổng số học sinh của nhà trường; số học sinh được đánh giá định kỳ cuối năm học về từng năng lực, phẩm chất, kết quả học tập, tổng hợp kết quả cuối năm; số học sinh và tỷ lệ xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, thống kê kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp, thi đỗ vào đại học, cao đẳng, số học sinh nam, học sinh nữ, số học sinh dân tộc thiểu số (Biểu mẫu 10).

c) Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục theo lộ trình để đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và kết quả đạt được qua các mốc thời gian;

d) Kiểm định cơ sở giáo dục: công khai báo cáo tự đánh giá, kết quả đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

## **2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục**

a) Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, vv tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định (Biểu mẫu 11).

b) Đội ngũ nhà giáo, viên chức quản lý và nhân viên

- Số lượng giáo viên, viên chức quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Biểu mẫu 12).

- Số lượng giáo viên, viên chức quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và các năm tiếp theo.

## **3. Công khai thu chi tài chính**

a) Tình hình tài chính

Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số ngày 25 /6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12 /2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước; Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/ 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách tài trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/ 2017 và các công văn hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo (nếu có).

c) Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất,

bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

### **III. Hình thức, thời điểm công khai**

#### **1. Đối với nội dung công khai về cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục**

- Công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục và đào tạo vào tháng 6 hằng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

- Niêm yết công khai tại cơ sở giáo dục và đào tạo đảm bảo thuận tiện để xem xét. Thời điểm công khai là tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

#### **2. Đối với nội dung công khai tài chính**

Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số ngày 25 /6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12 /2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước; Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/ 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách tài trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/ 2017 và các công văn hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

#### **3. Đối với nội dung công khai về học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.**

Ngoài việc thực hiện công khai bằng các hình thức theo quy định, nhà trường còn phải thực hiện:

- Phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh hoặc phát tài liệu cho cha mẹ học sinh vào cuối năm học để cha mẹ học sinh biết trước khi nhà trường tổ chức tuyển sinh và chuẩn bị khai giảng năm học mới.

- Phổ biến hoặc phát tài liệu cho cha mẹ học sinh khi tổ chức họp cha mẹ học sinh để trao đổi, thỏa thuận vào đầu năm học mới.

### **IV. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Người đứng đầu nhà trường (Hiệu trưởng)**

- Tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định hiện hành

- Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2022-2023 và xây dựng kế hoạch công khai của năm học 2023-2024.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường ở các cấp.

- Thực hiện công bố các kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức bằng các hình thức như sau:

+ Công bố công khai trong các cuộc họp hội đồng sư phạm nhà trường, các cuộc họp liên tịch.

+ Niêm yết công khai các kết quả kiểm tra tại bảng thông tin của nhà trường.

+ Công khai trên trang thông tin điện tử của trường

## **2. Trách nhiệm của các thành viên thực hiện công tác 03 công khai trong nhà trường**

a) Phó Hiệu trưởng

Thực hiện nhiệm vụ được phân công của Hiệu trưởng trong việc triển khai thực hiện công tác công khai.

b) Tổ Văn phòng

- Kế toán

+ Thực hiện các công khai về tài chính, học phí và các khoản thu mà nhà trường tổ chức thu tại nhà trường. Công khai các quỹ từ ngân sách, các quỹ khác trong nhà trường

+ Niêm yết công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính.

+ Công khai các khoản thu, chi hằng năm: chi lương, chi thường xuyên, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, mức thu nhập hàng tháng của viên chức, người lao động trong nhà trường., mức thu chi thường xuyên, chi đầu tư, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị trong nhà trường.

+ Công khai các kết quả kiểm toán (nếu có).

- Các thành viên khác

Theo sự phân công, chỉ đạo của Lãnh đạo nhà trường để phối hợp tổ chức thực hiện.

c) Ban Thanh tra nhân dân

- Có trách nhiệm thanh tra việc thực hiện công tác công khai để việc thực hiện được kịp thời, đúng quy định;

Trên đây là kế hoạch thực hiện 3 công khai trong năm học 2022-2023 của Trường THPT Hắc Dịch.

Đề nghị lãnh đạo nhà trường, giáo viên, nhân viên, người lao động trong nhà trường thực hiện nghiêm túc đúng theo quy định công khai hiện hành./



**Nguyễn Đức Thiện**

**THÔNG BÁO**

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học phổ thông năm học 2022-2023**

(Theo Quyết định số ...../QĐ – THHD ngày .../.../2022)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Khối 10	Khối 11	Khối 12
I	Điều kiện tuyển sinh	- Tham gia kì thi hoặc xét tuyển sinh lớp 10 THPT do Sở GD&ĐT qui định và phải đạt điểm chuẩn vào trường.	- HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định.	- HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Thực hiện theo Chương trình giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành: CTGD 2018	- Thực hiện theo Chương trình giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành: Khối 11, 12 thực hiện CTGD hiện hành, CTGD 2006	
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường và gia đình phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, giáo dục toàn diện học sinh; thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban đại diện CMHS đúng văn bản chỉ đạo hiện hành. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.		
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh	- Đủ 33 phòng học trang bị đủ bàn ghế cho học sinh 33 lớp; có phòng thí nghiệm thực hành Lý, Hóa, Sinh tuy còn thiếu thiết bị; 3 phòng máy vi tính; 02 phòng máy chiếu; có 12 lớp khối 10 được trang bị màn hình tivi thông minh		
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền phổ biến các nội dung giáo dục phẩm chất, kỹ năng; truyền thống yêu nước, hiếu học, vv; tổ chức cuộc thi đọc và viết bài cảm nhận sách hay; các phong trào thi đua hỗ trợ các hoạt động học tập, nề nếp, vv		
VI	Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	Trình độ, năng lực cán bộ quản lý, giáo viên đa số đạt chuẩn theo quy định; phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục khá hợp lý, khoa học, không gây áp lực cho giáo viên, học sinh;		

VII	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Học tập: 15,4% Tốt; 36,5% Khá; 41,9% Đạt; 6,15% Chưa đạt (trước kiểm tra lại); Hạnh kiểm: 84% Tốt; 14% Khá; 2% TB;	Học tập: 17,52% Giỏi; 38,65% Khá; 38,75% TB; 4,39% Yếu (trước kiểm tra lại) Hạnh kiểm: 85% Tốt; 14% Khá; 1% TB	Học tập: 18,9% Giỏi; 44,77% Khá; 33,33% TB; 3,0% Yếu. Hạnh kiểm: 88% Tốt; 10,5% Khá; 0,5% TB
VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	94% học sinh lên lớp thẳng; 98,5% lên lớp 11 sau kiểm tra lại	96% học sinh lên lớp thẳng; 99,5% lên lớp 12 sau kiểm tra lại	100% học sinh đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp THPT 2023, tham gia xét tuyển CĐ, ĐH, học nghề

Hắc Dịch, ngày 26 tháng 9 năm 2022

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký tên và đóng dấu)



*Nguyễn Đức Thiện*

## THÔNG BÁO

### Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông năm học 2021-2022

(Theo Quyết định số ...../QĐ – THHD ngày .../.../2022)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm</b>	<b>1,209</b>	<b>451</b>	<b>404</b>	<b>354</b>
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	91.65%	90.47%	87.87%	97.46%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	7.61%	9.09%	10.40%	2.54%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0.74%	0.44%	1.73%	0.00%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực</b>	<b>1,209</b>	<b>451</b>	<b>404</b>	<b>354</b>
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	21.67%	19.07%	20.05%	26.84%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	45.82%	37.25%	43.81%	59.04%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	32.09%	42.79%	35.89%	14.12%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.41%	0.89%	0.25%	0.00%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	<b>1,209</b>	<b>451</b>	<b>404</b>	<b>354</b>
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	99.59%	99.11%	99.75%	100.00%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	21.51%	19.07%	19.80%	26.55%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	45.82%	37.25%	43.56%	59.32%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1.41%	2.66%	1.24%	0.00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0.41%	0.89%	0.25%	0.00%
4	Chuyên trường đến / đi (tỷ lệ so với tổng số)	2.07%	3.33%	1.98%	0.56%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%

6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm (tỷ lệ so với tổng số))	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
<b>IV</b>	<b>Học sinh đạt các giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Cấp tỉnh/ thành phố	0		0.25	0
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp</b>	<b>354</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>354</b>
<b>VII</b>	<b>Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng</b>	<b>270</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>77.36</b>
<b>VIII</b>	<b>Số học sinh nữ</b>	<b>681</b>	<b>253</b>	<b>227</b>	<b>201</b>
<b>IX</b>	<b>Số học sinh dân tộc thiểu số</b>	<b>67</b>	<b>26</b>	<b>16</b>	<b>25</b>

Hắc Dịch, ngày 26 tháng 9 năm 2022

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký tên và đóng dấu)



*Nguyễn Đức Thiện*



SỞ GD & ĐT TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
TRƯỜNG THPT HẮC DỊCH

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học phổ thông  
Năm học 2022 - 2023**

(Theo Quyết định số ...../QĐ – TT ngày .../.../2022)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học</b>	33	Số m <sup>2</sup> /học sinh
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		
1	Phòng học kiên cố	33	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	3	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	11	
7	Bình quân lớp/phòng học	1 lớp/ 1 phòng	
8	Bình quân học sinh/lớp	45hs/ 1 lớp	
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>		
<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	18,464.00	
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	11,200	
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>		
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	50.00	10.0
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> ) (P.Vi tính)	240	240.0
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	120	-
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )	512	-
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m <sup>2</sup> )	60	-
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập</b> (Đơn vị tính: bộ)	<b>110</b>	Số học sinh/bộ
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	13	
2	Cát xét	27	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Màn hình cảm ứng		
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị đang sử dụng</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Số thiết bị/lớp</b>
1	Ti vi	13	
2	Cát xét	27	

3	Đầu Video/đầu đĩa				
4	Màn hình cảm ứng				
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh
			Chung	Nam/ Nữ	Chung
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		9	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*				

(\*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Hắc Dịch, ngày 26 tháng 6 năm 2022

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký tên và đóng dấu)



*Nguyễn Đức Thiện*

SỞ GD & ĐT TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
TRƯỜNG THPT HẮC DỊCH

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học phổ thông  
Năm học 2022 - 2023**

(Theo Quyết định số ...../QĐ – THHD ngày .../.../2022)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	<b>80</b>		7	66		4	3	68	2					
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>69</b>		7	66		4	3	68	2					
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	9		2	7				9			2	7		
2	Lý	8			8				8			8			
3	Hóa	6			6				6			5	1		
4	Văn	11		1	10				11			8			
5	Anh	8		1	7				8			8			
6	Sinh	3			3				3			3			
7	Sử	5			5				5			3	2		
8	Địa	4		2	2				3	1		4			
9	GGDCD	4			4				4			4			
10	Thể dục	7			7				7			7			
11	Tin	4			4				4			4			
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>2</b>													
1	Giám đốc	1		1						1					

2	Phó Giám đốc	1			1									
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>9</b>												
1	Nhân viên văn thư	2					2							
2	Nhân viên kế toán	1					1							
3	Thủ quỹ													
4	Nhân viên y tế	1					1							
5	Nhân viên thư viện	1			1									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1									
7	Phục vụ	1						1						
8	Bảo vệ	2						2						
9	Nhân viên hỗ trợ GD người khuyết tật	0												
10	Nhân viên công nghệ thông tin	0												

Hắc Dịch, ngày 26 tháng 9 năm 2022

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên và đóng dấu)



*Nguyễn Đức Thiện*